

KHAI THÁC NGUỒN LỰC DI SẢN VĂN HÓA NHẪM PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

TS TRUNG THỊ THU THỦY
Học viện Chính trị khu vực III

1. Di sản văn hóa - nguồn lực quan trọng tạo dấu ấn của thành phố Đà Nẵng

Thành phố Đà Nẵng là vùng đất có bề dày lịch sử và văn hóa với tài nguyên di sản văn hóa vật thể và phi vật thể rất phong phú, đa dạng, có giá trị nổi bật, mang bản sắc văn hóa đặc sắc riêng có, hội tụ đầy đủ tiềm năng, thế mạnh cho sự phát triển nhanh và bền vững. Năm 1997 khi tách khỏi Quảng Nam, cả thành phố chỉ có 5 di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng cấp quốc gia thì đến nay, thành phố đã có: 01 di sản tư liệu thuộc Chương trình ký ức thế giới khu vực châu Á - Thái Bình Dương¹; 02 di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia đặc biệt²; 06 bảo vật quốc gia; 17 di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia; 55 di tích cấp thành phố; 39 di tích nằm trong danh mục kiểm kê và gần 100 công trình văn hóa có giá trị lịch sử, thẩm mỹ, khoa học đang được lập hồ sơ di sản. Cùng với đó, Đà Nẵng còn sở hữu Nghệ thuật Bài Chòi, cùng với 9 tỉnh/thành phố Trung Bộ, được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện nhân loại; 06 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia³. Cùng với đó, Đà Nẵng còn có lễ hội đình làng như ở Hải Châu, Túy Loan, Hòa Mỹ, lễ hội Mục đồng Phong Lệ... vô cùng độc đáo. Các làng nghề truyền thống như làng nghề bánh tráng Túy Loan; làng nghề bánh khô mè Quan Châu (xã Hòa Châu); nghề rượu cần Phú Túc (xã Hòa Phú); làng nghề đan lát Yên Nê (xã Hòa Tiến); làng nghề đá chẻ (xã Hòa Sơn); nghề làm chõng tre (xã Hòa Phước); nghề thúng rái Phước Hưng (xã Hòa

Nhon)... mang dấu ấn vùng đất rõ nét. Làng nghề truyền thống chứa trong đó là lịch sử, là văn hóa, là tính nét của người xứ Quảng.

Xác định di sản văn hóa là thế mạnh của địa phương trong phát triển kinh tế - xã hội, Đà Nẵng coi trọng đầu tư các nguồn lực cho văn hóa, chủ động tích cực thực hiện nhiều biện pháp, cơ chế, chính sách nhằm bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội; không ngừng đổi mới, sáng tạo, hoàn thiện cơ chế chính sách, mở rộng hợp tác trao đổi kinh nghiệm giữa các địa phương trong vùng, trong nước, quốc tế để giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn di sản và phát triển kinh tế - xã hội.

2. Khai thác giá trị nguồn lực di sản văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thời gian qua

Nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng của di sản văn hóa dân tộc đối với sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương, trong những năm qua, chính quyền và ngành văn hóa thành phố Đà Nẵng đã ban hành các đề án, kế hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Đây là cơ sở để khai thác thế mạnh địa phương trong phát triển kinh tế du lịch, kinh tế làng nghề, du lịch làng nghề... đem lại diện mạo mới cho thành phố Đà Nẵng và đảm bảo sinh kế bền vững cho người dân. Cụ thể như thành phố đã bảo tồn một số di tích gắn với phát triển du lịch như đình Lỗ Giáng thông qua “Đề án bảo tồn và phát huy giá trị đình Lỗ Giáng”; làng Nam Ô với “Đề án du lịch cộng đồng

Nam Ô”; Đề án “Bảo tồn làng nghề nước mắm Nam Ô gắn với phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng” với tổng kinh phí gần 4,7 tỷ đồng; Đề án “Bảo tồn và phát huy giá trị nghề điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước”; Đề án “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2013 - 2015”; Đề án “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2016 - 2020”, Kế hoạch “Bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật Bài Chòi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2015 - 2020”; Kế hoạch số 6144/KH-UBND ngày 18-7-2016 của UBND thành phố về bảo tồn và phát huy giá trị Lễ hội Cầu Ngư trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2016 - 2020, Kế hoạch 4271/KH-UBND ngày 08-6-2015 của UBND thành phố Đà Nẵng về bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng người Cơ Tu trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Đề án “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021 - 2025”...

Kinh phí đầu tư cho các công trình văn hóa cũng được thành phố chú trọng như “Công trình cải tạo, nâng cấp cơ sở 42 Bạch Đằng” là 505 tỷ đồng; công trình “Nâng cấp, tôn tạo Đài tưởng niệm thành phố và cải tạo, mở rộng Quảng trường 29 Tháng 3 là 212 tỷ đồng; Dự án trùng tu Hải Vân Quan mức đầu tư 42 tỷ đồng; Công trình công viên bên ngoài di tích quốc gia Nghĩa Trưng Hòa Vang khoảng 13 tỷ đồng; dự án xây dựng Bảo tàng Điêu khắc Chăm - cơ sở 2 tại Di chỉ khảo cổ Chăm Phong Lệ, ở phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ với tổng mức đầu tư hơn 140 tỷ đồng...

Các nội dung cụ thể trong đề án, kế hoạch đã góp phần rất lớn trong công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản tại địa phương. Đồng thời, chính quyền quan tâm, tạo mọi điều kiện để người dân và cộng đồng thực hành, truyền dạy và bảo vệ di sản văn hóa, cũng như giúp họ tạo ra sinh kế, coi đó là nguồn lực quan trọng nhất, có tính quyết định trong sự nghiệp bảo tồn di sản. Đơn cử như “Nghề Điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước” (quận Ngũ Hành Sơn) và “Nghề làm nước mắm Nam Ô” (quận Liên Chiểu) là hai nghề truyền thống đang được bảo tồn và phát huy tốt giá trị của di sản. Thành phố hướng đến đưa thương hiệu nước mắm Nam Ô, làng đá mỹ nghệ Non Nước trở thành sản phẩm du lịch, đồng thời mở ra thị trường tiêu thụ cho sản phẩm. Bên

cạnh đó chính quyền còn khai thác tiềm năng, thế mạnh các di tích và danh lam thắng cảnh của địa phương, tạo bước đệm cho kinh tế địa phương phát triển, tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập cho người dân. Đây là bước đi đúng đắn, có trọng tâm, hiệu quả trong việc khai thác và bảo tồn làng nghề⁴.

Với di sản “Nghệ thuật Bài Chòi” và “Nghệ thuật Tuồng”, trong những năm qua, ngành văn hóa thành phố cũng đã triển khai nhiều giải pháp nhằm góp phần bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống và đưa nghệ thuật truyền thống đến gần hơn với công chúng, du khách. Trong đó đáng kể như Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh thành phố tổ chức biểu diễn nghệ thuật Bài Chòi vào tối thứ Bảy và Chủ nhật hàng tuần tại cầu Rồng (đường Trần Hưng Đạo, quận Sơn Trà); Nhà hát Tuồng Nguyễn Hiền Dĩnh đã xây dựng chương trình nghệ thuật truyền thống “Hồn Việt” để biểu diễn phục vụ người dân và du khách vào 19h45 các ngày trong tuần (trừ thứ Tư) và vào 17h30 ngày Chủ nhật. Các hoạt động này đã phát huy có hiệu quả, không chỉ gìn giữ được nét đẹp văn hóa truyền thống mà còn góp phần thu về một nguồn kinh phí cho các nghệ nhân để trang trải cuộc sống và tiếp tục với đam mê của mình. Quan trọng hơn là đã tạo ra sản phẩm du lịch văn hóa, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và là kênh thông tin quan trọng để quảng bá hình ảnh thành phố Đà Nẵng đến với du khách trong nước và quốc tế.

Với loại hình lễ hội truyền thống như “Lễ hội Cầu Ngư”, “Lễ hội Quán Thế Âm Ngũ Hành Sơn”, trong đó “Lễ hội Quán Thế Âm Ngũ Hành Sơn” từ khi được khôi phục và tổ chức trở lại, đến nay lễ hội ngày càng tổ chức quy mô với nhiều hoạt động phong phú, sôi nổi, đáp ứng nhu cầu chiêm ngưỡng, lễ bái của đồng bào theo đạo Phật, cộng đồng địa phương và du khách, trở thành sản phẩm văn hóa, du lịch tâm linh đặc trưng của thành phố và được đánh giá là một lễ hội tôn giáo tổ chức trang trọng, công phu, quy mô lớn ở khu vực miền Trung, đã thu hút được nhiều tăng ni, phật tử trong và ngoài nước về dự, để lại dấu ấn tốt đẹp cho du khách gần xa. Hơn nữa, lễ hội đã mang lại nguồn thu lớn, tăng thu nhập cho nhân dân địa phương, đóng góp nhất định trong việc tu bổ, tôn tạo chùa Quán Thế Âm cũng như công tác tổ chức lễ hội những năm tiếp theo.



Chương trình "Ngày hội Di sản văn hóa Đà Nẵng năm 2023" được khai mạc tại Bảo tàng Đà Nẵng (Ảnh: TL)

Việc gìn giữ bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể với sinh kế của cộng đồng, đặc biệt đối với đồng bào Cơ Tu đã được thành phố chú trọng phục hồi và phát triển một số loại hình nghệ thuật truyền thống có nguy cơ bị thất truyền như nghệ thuật múa cồng chiêng, múa tung tung da dá, nghề đan lát, dệt thổ cẩm và các lễ hội truyền thống đặc trưng của người Cơ Tu... Đặc biệt, huyện Hòa Vang, đã xây dựng và khai thác mô hình du lịch cộng đồng (ở Hòa Bắc), du lịch xanh tại Toom Sara (ở Hòa Phú) thu hút khách trong và ngoài nước, góp phần bảo tồn, giữ gìn và phát huy các giá trị di sản văn hóa của người Cơ Tu, đồng thời tạo sinh kế cho người dân địa phương. Hiện nay xã Hòa Bắc có 21 điểm du lịch, trong đó có 5 điểm du lịch sinh thái, 16 điểm du lịch cộng đồng và lưu trú phục vụ khoảng 30.000 lượt du khách đến với xã mỗi năm. Mô hình hoạt động du lịch cộng đồng này do người dân bản địa nơi đây đầu tư, quản lý và trực tiếp làm du lịch, tạo ra công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân. Tại đây vừa kết hợp tham quan, cùng với đó là hình thức nghỉ dưỡng homestay, trải nghiệm các loại hình truyền thống như dệt thổ cẩm; xem múa cồng chiêng, múa tung tung da dá; thưởng thức đặc sản Cơ Tu như rượu cần, thịt nướng, cơm lam, bánh sừng trâu... Có thể thấy nhờ làm du lịch cộng đồng, văn hóa người Cơ Tu ở Đà Nẵng được quảng bá rộng rãi. Qua đó, người Cơ Tu càng có ý thức giữ gìn truyền thống văn hóa, từng bước thúc đẩy, phát triển du lịch sinh thái cộng đồng.

Ngày 24-01-2019, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 43-NQ/TW về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, mục tiêu đến năm 2030 là xây dựng Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và Đông Nam Á với vai trò là trung tâm về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, du lịch, thương mại, tài chính, logistics, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghiệp hỗ trợ. Đồng thời xác định chú trọng phát triển 05 lĩnh vực kinh tế mũi nhọn, trong đó có ngành du lịch. Trước khi Nghị quyết 43- NQ/TW của Bộ Chính trị ban hành ngày 24-01-2019 về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; trên cơ sở Nghị quyết 33-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, theo đó, trong hơn 20 năm qua, các cấp lãnh đạo thành phố đã quan tâm chỉ đạo, đầu tư, phát triển Đà Nẵng với mục tiêu xây dựng du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn. Đến nay, việc khai thác các nguồn lực di sản văn hóa hướng đến phát triển kinh tế thực sự đã có bước phát triển đáng kể, tốc độ tăng trưởng bình quân lượt khách du lịch giai đoạn 2011-2019 đạt 19,34%/năm; trong đó, tốc độ tăng trưởng bình quân lượng khách quốc tế đạt 28,45%/năm, khách nội địa đạt 15,62%/năm; tốc độ tăng trưởng bình quân tổng thu du lịch giai đoạn 2011 - 2019 đạt 29,15%/năm; tỷ lệ đóng góp trực tiếp của ngành du lịch vào GRDP thành phố đạt 13,6%, đóng góp gián tiếp đạt 17,7%. Năm 2022, khách do cơ sở lưu trú phục vụ ước đạt 3,69 triệu lượt khách, tăng 3,1 lần so với năm 2021, tăng 5% so với kế hoạch UBND thành phố giao. Trong đó, khách quốc tế ước đạt 483.000 lượt, tăng 4,6 lần so với năm 2021; khách nội địa ước đạt 3,2 triệu lượt, tăng 3,0 lần so với năm 2021.

Trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024, tổng lượng khách tham quan, du lịch Đà Nẵng ước đạt khoảng 402.000 lượt khách, tăng 37% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, khách quốc tế ước đạt gần 177.000 lượt. Tổng doanh thu du lịch ước đạt khoảng 1.580 tỷ đồng. Các điểm thu hút du khách tham quan như danh thắng Ngũ Hành Sơn, Chùa

Linh Ứng - Sơn Trà, Bảo tàng Điêu khắc Chăm... cùng các hoạt động, sự kiện, lễ hội truyền thống⁵.

Một số quận, huyện của thành phố đã đầu tư cải thiện cảnh quan, môi trường; hỗ trợ hoạt động sản xuất nghề, đào tạo nghề và kết nối các sự kiện văn hóa du lịch tại các nghề, làng nghề truyền thống như quận Cẩm Lệ, quận Sơn Trà, quận Hải Châu, huyện Hòa Vang.... Bên cạnh đó, từ khi có chương trình mỗi xã mỗi sản phẩm OCOP, Đà Nẵng có 64 sản phẩm được công nhận đạt từ 3 sao trở lên, đã góp phần quan trọng trong phát triển sản phẩm truyền thống của các làng nghề, khai thác tiềm năng sản phẩm du lịch. Sự phát triển nghề và làng nghề truyền thống ở Đà Nẵng góp phần tăng thu nhập cho người dân, ổn định cuộc sống; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới; tăng kim ngạch xuất khẩu và tăng trưởng GDP của thành phố.

Điều đáng ghi nhận ở thành phố Đà Nẵng khi nhận thức rằng chính di sản và cộng đồng sở hữu di sản mới làm nên thương hiệu, điểm nhấn của sản phẩm văn hóa và vùng đất văn hóa nên chính quyền luôn dành sự quan tâm tối đa cho việc phát huy nguồn lực địa phương, vì mục tiêu bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, để công tác bảo vệ di sản văn hóa xuất phát từ cộng đồng, mang lại sinh kế và trở lại phục vụ cộng đồng.

Tuy nhiên hiện nay, trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, việc khai thác nguồn lực di sản văn hóa một cách có hiệu quả, đem lại nguồn lợi hữu ích, có ý nghĩa thiết thực cho phát triển kinh tế xã hội cũng đối diện với không ít trở lực. Đơn cử nghề điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước hiện nay là tình trạng sản xuất hàng loạt những sản phẩm tượng đá mang tính thương mại hóa hoặc sản xuất kiểu công nghiệp những sản phẩm tượng bột đá - chứ không phải tượng đá - dẫn đến ngày càng ít đi những sản phẩm tượng thủ công qua đó thể hiện quá trình lao động “thối hồn vào đá” của các nghệ nhân.

Hay nghề làm nước mắm Nam Ô cũng đang phải đương đầu với không ít trở lực mà lớn nhất là số hộ dân còn tiếp tục theo đuổi nghề nước mắm gia truyền không đáng kể - từ 50 hộ lúc đầu, đến năm 2011 tăng lên 80 hộ và năm 2015 là hơn 110 hộ, nhưng từ năm 2016 đến năm 2019 đã giảm hơn một

nửa, chỉ còn 52 hộ vẫn tiếp tục giữ nghề. Nguồn nguyên liệu chủ yếu để làm nước mắm là cá cơm than nhiều năm nay cũng có vấn đề khi mà cá cơm than gần bờ hầu như còn rất ít, trong khi số tàu thuyền của ngư dân làng chài Nam Ô đáp ứng yêu cầu vươn khơi không nhiều, số tàu thuyền đáp ứng được yêu cầu thì các thuyền viên lại không mặn mà với việc đánh bắt cá cơm than; chưa kể qua quá trình đô thị hóa, tàu thuyền đánh cá về không thể cập bờ gần làng nghề gây bất tiện trong việc tác nghiệp của các hộ sản xuất nước mắm; chưa kể một nguồn nguyên liệu làm mắm Nam Ô khác là muối Sa Huỳnh cũng đang rất hạn chế về nguồn cung...

3. Gợi mở một số giải pháp nhằm khai thác bền vững nguồn lực di sản văn hóa ở thành phố Đà Nẵng

Nguồn lực di sản văn hóa chính là trục cốt lõi để tạo dựng bản sắc văn hóa của cộng đồng, giúp nhận diện được chủ thể văn hóa trong phân biệt với những chủ thể khác. Nếu giải mã từng di sản ta sẽ thấy trong bản thân chúng ẩn chứa cái gọi là cốt cách tinh thần, khả năng sáng tạo và ứng xử của chủ thể trong tương quan với môi trường và lịch sử hình thành của nó. Không có một di sản văn hóa chung chung mà di sản đó luôn có tính “cụ thể”, cụ thể trong không gian - thời gian - chủ thể tạo thành. Vậy nên, di sản văn hóa chính là điểm tựa vững chắc cho đời sống tinh thần, là môi trường nuôi dưỡng và làm giàu bản sắc văn hóa, là môi sinh để đảm bảo sự đa dạng văn hóa... Như một quy luật mang tính bắc cầu, văn hóa càng mạnh, di sản văn hóa càng phong phú thì sẽ là nguồn lực dồi dào cho tăng trưởng kinh tế; đây là cơ sở để gợi mở hướng khai thác nguồn lực di sản văn hóa hướng đến phát triển bền vững thành phố Đà Nẵng trong thời gian tới.

Thứ nhất, để di sản văn hóa ở thành phố Đà Nẵng thực sự là nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội thì chính quyền thành phố cần có những chiến lược phát triển lâu dài và phù hợp, tránh các cách làm không hiệu quả mà phung phí đến các giá trị văn hóa. Ví dụ, vùng Hòa Vang vốn đa dạng về văn hóa của người Cơ Tu và có không gian làng truyền thống, thì cần có chiến lược phát triển để bảo tồn, coi trọng “cấu trúc cảnh quan tự nhiên”. Quận Sơn Trà, Thanh Khê gắn với văn hóa biển thì phát triển kinh tế biển, kinh

tế làng nghề gắn với biển... Có như vậy thì quá trình phát triển mới mang tính bền vững.

Thứ hai, cần có quy hoạch và đầu tư hợp lý để biến những di sản văn hóa của Đà Nẵng thành sản phẩm du lịch có sức cạnh tranh, thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế. Sự tăng trưởng về khách du lịch đến các điểm di sản đồng thời làm đa dạng và phong phú hơn sản phẩm du lịch đồng nghĩa với việc những giá trị di sản này sẽ càng được phát huy; tăng tính hấp dẫn và hiệu quả kinh doanh du lịch. Ví dụ như khi quy hoạch hợp lý phát triển các làng nghề trở thành điểm tham quan du lịch, qua đó tạo điều kiện cũng như làm căn cứ cho các làng nghề đầu tư và phát triển du lịch gắn với sản xuất kinh doanh các sản phẩm làng nghề tập trung vào một số nội dung trọng tâm như sau: (1) Đối với các làng nghề có tính ổn định như làng nghề bánh tráng Túy Loan; làng nghề bánh khô mè Quan Châu (xã Hòa Châu); nghề rượu cần Phú Túc (xã Hòa Phú); làng nghề đan lát Yển Nê (xã Hòa Tiến); làng nghề đá chẻ (xã Hòa Sơn)... chú ý nét riêng đặc thù của từng làng; tuyệt đối tránh rập khuôn kiểu nhà cửa xây theo kiểu đồng bộ, copy không có tính đặc thù, không tôn trọng thiên nhiên. Không gian truyền thống của làng được bảo tồn nguyên vẹn, có lối vào, lối ra và các tuyến tham quan trong làng một cách hợp lý. (2) Triển khai lập các quy hoạch cho từng không gian văn hóa làng gắn với di sản trọng điểm để thu hút các nhà đầu tư; gắn quy hoạch, phát triển làng nghề với các điểm di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh; các di sản văn hóa phi vật thể của địa phương để bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị để xây dựng, hình thành các vùng du lịch văn hóa lịch sử tương ứng.

Thứ ba, giải quyết về vốn và nguồn nhân lực trong các làng nghề truyền thống hiện nay. Về nguồn vốn, thực hiện đa dạng hóa các hình thức huy động vốn từ nhiều nguồn như huy động vốn có trong dân, nguồn vốn ưu đãi, tín dụng từ hệ thống ngân hàng, hỗ trợ từ ngân sách địa phương và trung ương; vốn hỗ trợ có mục tiêu như vốn khuyến công, các chương trình dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu... Hàng năm, trung ương và thành phố nên giành quỹ bảo tồn, phát triển ngành nghề truyền thống, phát triển làng

nghề gắn với du lịch. Tiếp tục thực hiện các chính sách ưu đãi về vốn, tín dụng cho các cơ sở ngành nghề nông thôn, hướng dẫn các nguồn vốn trung và dài hạn để đầu tư đổi mới công nghệ, nghiên cứu tạo ra sản phẩm mới, đồng thời đơn giản hóa thủ tục vay vốn để tăng cường khả năng tiếp cận của các cơ sở đến nguồn vốn ưu đãi.

Thứ tư, giáo dục và tạo nhận thức cho công chúng tăng cường hiểu biết và tạo những nhận thức về di sản văn hóa trên địa bàn thành phố Đà Nẵng là những việc làm cần thiết và quan trọng. Cần tổ chức nhiều hơn các buổi triển lãm, hội thảo, khóa học, và sự kiện về văn hóa để giới thiệu di sản văn hóa của Đà Nẵng cho người dân và khách quốc tế có quan tâm. Đặc biệt, chú trọng hơn môn giáo dục văn hóa địa phương ở nhà trường phổ thông. Ở cấp độ đại học và sau đại học, cần có những chính sách như giảm học phí, tặng học bổng... để khuyến khích các sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh theo học ngành Di sản văn hóa, ngành Việt Nam học, ngành Lịch sử văn hóa... tại trường Đại học Đà Nẵng. Có như vậy mới phổ biến kiến thức về di sản văn hóa ở một mức độ sâu rộng hơn.

1. UNESCO đã công nhận *Ma nhai* là di sản tư liệu thuộc Chương trình ký ức thế giới khu vực châu Á - Thái Bình Dương vào tháng 11 - 2022.
2. Di tích quốc gia đặc biệt danh thắng Ngũ Hành Sơn; Thành Điện Hải.
3. Nghề điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước của phường Hòa Hải, Nghệ thuật Tuồng xứ Quảng tại Đà Nẵng, Lễ hội Cầu Ngư Đà Nẵng, Nghệ thuật hô/hát Bài Chòi dân gian, Nghề làm nước mắm Nam Ô, Lễ hội Quán Thế Âm Ngũ Hành Sơn.
4. Ở Đà Nẵng, riêng làng Đá mỹ nghệ Non Nước hiện có hơn 20 doanh nghiệp, 370 cơ sở sản xuất kinh doanh lớn, nhỏ với khoảng 1.500 lao động. Doanh thu hằng năm của làng nghề trung bình khoảng gần 100 tỷ đồng. Ngoài ra, làng nghề Đá Non Nước thu hút đông đảo khách tham quan, như năm 2018, đã có 2,9 triệu lượt du khách đến với làng nghề, chiếm 27,5% tổng lượt khách tham quan thành phố Đà Nẵng (7,6 triệu lượt khách trong và ngoài nước).
5. <https://nhandan.vn/tong-doanh-thu-nganh-du-lich-da-nang-g-tet-giap-thin-2024-uoc-dat-1580-ty-dong-post796082.htm>.

